

Số: /CTr-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 5 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra.

Xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức triển khai với lộ trình, thời gian hoàn thành cụ thể; đồng thời phân công nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện.

- Tạo sự tin tưởng, quyết tâm cao trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố của tỉnh ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cần bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị để xây dựng chương trình hành động cụ thể theo từng lĩnh vực công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chương trình hành động xây dựng theo tinh thần đổi mới, bám sát nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Trung ương; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới, gắn trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu để mọi nhiệm vụ thực hiện phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao nhất.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện có hiệu quả các đột phá chiến lược

1.1. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đối với công tác quy hoạch; nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch theo Luật Quy hoạch. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển.

Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy hoạch chung của tỉnh, đảm bảo nguyên tắc các quy hoạch không chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột với nhau và phải được xây dựng đồng thời để đảm bảo sự kết nối giữa các quy hoạch. Đối với quy hoạch xây dựng cần tập trung thực hiện tốt việc quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện.

Quan tâm bố trí nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ làm công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; đồng thời lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm trong quá trình xây dựng các quy hoạch, nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm quy hoạch đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khả thi và có tầm nhìn chiến lược.

1.2. Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức của cán

bộ, công chức, viên chức về nội dung, ý nghĩa và mục đích của cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PCI, PAPI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PCI, PAPI; chú trọng công tác thanh tra công vụ, nhất là hoạt động của bộ phận cán bộ công chức liên quan đến người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư tại các sở, ngành và địa phương; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PCI, PAPI của các cơ quan, đơn vị để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua đối với các cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao điểm số của những chỉ số thành phần còn thấp, chậm cải thiện đối với chỉ số PCI và chỉ số PAPI ở từng sở, ngành và địa phương; trong đó tập trung cải thiện các chỉ số thành phần về chi phí không chính thức, tiếp cận đất đai, tính minh bạch và tiếp cận thông tin; phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 mỗi năm tăng tối thiểu 3 bậc chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI).

Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng, quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký thành lập doanh nghiệp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng, sở hữu nhà ở, thuê... cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông hiện đại”. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính qua mạng điện tử. Xây dựng bộ máy hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết hồ sơ, thủ tục cho doanh nghiệp, tổ chức và nhà đầu tư. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: quản lý đất đai, đào tạo lao động, thiết chế pháp lý, phòng chống tham nhũng; tăng tính công khai, minh bạch, tiếp cận thông tin cho người dân và doanh nghiệp.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm, có phẩm chất, đạo đức, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực công tác, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Phấn đấu đến năm 2025, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức đảm bảo theo vị trí việc làm. Triển khai hiệu quả chủ trương tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công cho cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng, phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh và làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với quốc gia. Xây dựng các quy định, hướng dẫn về thu thập, cập nhập, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu

nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hành chính nhà nước; tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giải quyết các thủ tục hành chính. Tập trung xây dựng chính quyền điện tử để xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả. Thường xuyên bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin Trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2025, có 100% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử (trừ các văn bản mang nội dung bí mật nhà nước); 100% cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong xử lý công việc; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh ở mức độ 3 và 4. Công khai, minh bạch thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cổng thông tin điện tử của các sở, ngành và địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ số đánh giá năng lực điều hành của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (DDCI) làm cơ sở đánh giá chất lượng phục vụ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp và người dân.

Tiếp tục quan tâm phát triển kinh tế tư nhân; tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển; thực hiện tốt công tác hậu kiểm sau đăng ký doanh nghiệp, quyết định chủ trương đầu tư. Tiếp tục thực hiện các chủ trương, giải pháp cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể sang loại hình doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế tập thể; không ngừng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của tổ chức hợp tác và thành phần hợp tác trong thời kỳ hội nhập. Phấn đấu đến năm 2025, phát triển thêm 2.500 doanh nghiệp, hợp tác xã.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong đó tạo lập môi trường thuận lợi, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học - công nghệ. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; thu hút, liên kết với các trung tâm đổi mới, sáng tạo công nghệ, các tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước.

Tăng cường và đổi mới các hoạt động xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào những lĩnh vực ưu tiên; quan tâm xúc tiến đầu tư tại các thị trường có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đang đầu tư, sản xuất kinh doanh tại tỉnh như Hàn Quốc, Nhật Bản, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác và kêu gọi đầu tư tới các nước khác trên thế giới. Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với các nhà

đầu tư, doanh nghiệp, kịp thời giải quyết dứt điểm kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện, thủ tục pháp lý để nhà đầu tư có thể triển khai ngay dự án sau khi được quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Phấn đấu trong 5 năm thu hút được 280 dự án trong nước với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 80.000 tỷ đồng và 30 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 1.000 triệu USD.

1.3. Phát triển nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm, tăng năng suất lao động

Đẩy mạnh giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng mềm, tính kỷ luật, kỷ cương lao động; Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tích cực triển khai công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo; gắn với đào tạo nghề cho học sinh phổ thông và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên thuộc hệ giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tự đào tạo nghề cho người lao động và phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc liên kết đào tạo và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng dạy nghề cho lao động nông thôn.

Tập trung phát triển kinh tế xã hội để tạo việc làm, thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch theo định hướng, quy hoạch đến năm 2030 đã phê duyệt. Thực hiện có hiệu quả công tác khuyến công, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, chú trọng phát triển các nghề truyền thống để giải quyết việc làm, chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn. Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp khoảng 15 nghìn lao động/năm; tạo việc làm mới cho 16 nghìn lao động/năm. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động trong nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với yêu cầu phát triển cơ quan, đơn vị và yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác, quy hoạch cán bộ. Tổ chức các khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp. Tăng cường quản lý công chức, viên chức; sắp xếp, cơ cấu lại công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng công vụ. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đánh giá công chức, viên chức.

1.4. Phát triển kết cấu hạ tầng

Tăng cường huy động mọi nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; trong đó tập trung nguồn vốn cho các công trình trọng điểm, cấp thiết, vốn đối ứng, xây dựng cơ bản; không để xảy ra tình trạng phân bổ vốn dàn trải; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2025 để tạo điều kiện thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành, huy động và phân bổ nguồn vốn đầu tư. Tăng cường quản lý, phân cấp quản lý đầu tư; thực hiện hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng các công trình.

Chủ động, phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tỉnh, các cấp, các ngành với Trung ương trong huy động nguồn lực; bám sát, tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành Trung ương sớm khởi công các dự án đã quy hoạch, kế hoạch; tập trung tháo gỡ khó khăn, giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng do Bộ ngành đầu tư trên địa bàn. Lựa chọn một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có khả năng thu hồi vốn để thu hút các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo hình thức đối tác công tư; tập trung vốn ngân sách tỉnh để bố trí nguồn vốn đối ứng cho các dự án đầu tư theo hình thức PPP, dự án ODA và ưu tiên cân đối nguồn vốn để tạo quỹ đất sạch, nhằm tăng cường thu hút đầu tư.

Tập trung triển khai thực hiện Đề án hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đường bộ và hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2020-2025. Tập trung nguồn lực để ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình giao thông quan trọng mang tính đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội như các Quốc lộ, các tỉnh lộ quan trọng có tính đối ngoại, đường đô thị, đường trục chính, đường vào các khu, cụm công nghiệp, qua các vùng động lực kinh tế của tỉnh, đường kết nối với khu du lịch quốc gia vùng hồ Sông Đà. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số dự án công trình giao thông trọng điểm để từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông theo quy hoạch như: Cầu Hòa Bình 2, cầu Hòa Bình 4, Cầu Hòa Bình 5, dự án kết nối giao thông và thủy lợi tỉnh Hòa Bình với hạ tầng giao thông quốc gia, dự án phát triển đô thị xanh thích ứng với chống biến đổi khí hậu thị trấn Kỳ Sơn (nay là thành phố Hòa Bình), các trục giao thông kết nối ngang giữa đường Hồ Chí Minh với quốc lộ 12B và quốc lộ số 6, các tuyến đường tránh qua các thị trấn, thành phố, các trục trung tâm của đô thị thành phố Hòa Bình và các thị trấn trong tỉnh... đồng thời tranh thủ các nguồn ngân sách và hỗ trợ từ Trung ương, phát huy nội lực địa phương đầu tư các công trình trọng điểm như: Đầu tư hoàn chỉnh (giai đoạn 2) đường cao tốc Hòa Lạc - Thành phố Hòa Bình, đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; đường liên kết vùng Hòa Bình - Hà Nội và cao tốc Sơn La (Hòa Bình - Mộc Châu) (ĐT.448B); cải tạo Quốc lộ 70, quốc lộ 15, quốc lộ 21, đường vành đai 5... đoạn qua tỉnh Hòa Bình. Phấn đấu đến năm 2025, hệ thống quốc lộ, đường tỉnh từng bước đưa vào cấp kỹ thuật theo quy định hiện hành (quốc lộ cơ bản đạt cấp III; đường tỉnh cơ bản đạt cấp IV); giao thông đô thị phát triển theo hướng hiện đại, đường huyện đạt tối thiểu cấp V, đường xã đạt tối thiểu cấp VI, cứng hóa đường tới 100% thôn bản. Phát huy mạnh mẽ phong trào làm đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an toàn giao thông vùng cao, vùng xa.

Nạo vét, chỉnh trị các tuyến đường thủy nội địa và tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư xây dựng các cảng thủy nội địa tại thành phố Hòa Bình và huyện Lạc Thủy, các cảng và bến thủy trên sông Đà, sông Bôi để phát triển các loại hình vận tải đường thủy, góp phần giảm tải cho đường bộ; đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển du lịch trong vùng.

Tập trung hỗ trợ Tập đoàn điện lực Việt Nam đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện Hòa Bình giai đoạn 2; tranh thủ ủng hộ của Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải điện đảm bảo cung cấp điện ổn định cho các đơn vị sản xuất kinh doanh. Khẩn trương triển khai hoàn thành dự án Nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện khu vực vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp có lợi thế giao thông đối ngoại, thuận lợi trong thu hút đầu tư; trong đó ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp Mông Hóa, Yên Quang, Nhuận Trạch, Nam Lương Sơn, Lạc Thịnh và Thanh Hà, các cụm công nghiệp Tiên Tiến, Đồng Tiến, Đồng Tâm...; rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp theo hướng mở rộng khu công nghiệp Lạc Thịnh lên khoảng 1.000 ha, nghiên cứu, bổ sung mới vào quy hoạch một số khu công nghiệp tại các địa bàn huyện Lạc Thủy, Yên Thủy. Phát triển cụm công nghiệp ở vùng nông thôn thu hút lao động tại chỗ, giảm số lao động tập trung về thành phố: CCN Phong Phú (Tân Lạc), CCN Khoang U (Lạc Sơn), CCN xóm Rút Lương Sơn... Huy động xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình tiện ích xã hội phục vụ nhu cầu công nhân, cán bộ tại các KCN.

Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị, phát triển nhanh vùng động lực. Triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng các huyện trên cơ sở Quy hoạch tỉnh Hòa Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; khẩn trương lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng các đô thị đã được điều chỉnh mở rộng theo Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Hòa Bình làm cơ sở lập chương trình kế hoạch phát triển đô thị các huyện Lương Sơn, Đà Bắc, thành phố Hòa Bình và các thị trấn Bo, Ba Hàng Đồi, Chi Nê, Vụ Bản, Mãn Đức, Phong Phú và Hàng Trạm. Tập trung phát triển hệ thống đô thị theo hướng hiện đại kết hợp với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và thân thiện với môi trường; Rà soát để đầu tư có trọng điểm đảm bảo tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị, huy động các nguồn vốn ngân sách và ngoài ngân sách để phân đầu đến năm 2025, nâng cấp đô thị đô thị thành phố Hòa Bình đạt tiêu chí loại II, huyện Lương Sơn cơ bản đạt các tiêu chí cấp hành chính thị xã Lương Sơn, thị trấn Mai Châu và các xã phụ cận đạt tiêu chí đô thị loại IV, thị trấn Mãn Đức đạt tiêu chí đô thị loại IV, thành lập thị trấn Phong Phú đô thị loại V, các thị trấn được mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại V.

Tập trung đầu tư nâng cấp, phát triển hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu. Hoàn thành dự án Hồ Cánh Tạng, đề ngăn lũ kết hợp giao thông Pheo Chẹ, Kè Sông Bui, Kè sông Bôi. Lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung cho các xã, cụm xã, các khu đông dân cư. Khuyến khích xã hội hóa các công trình cấp

nước, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ hoạt động của các cơ sở sản xuất. Tiếp tục thúc đẩy triển khai đầu tư cải tạo lưới điện, đảm bảo cung ứng điện một cách tốt nhất với chất lượng phục vụ ngày càng cao đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho sản xuất và đời sống của người dân.

Thu hút các nguồn lực đầu tư vào hạ tầng du lịch, đảm bảo kết nối hiệu quả với hạ tầng giao thông, hạ tầng văn hóa. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, khu du lịch cấp tỉnh khu du lịch Mai Châu, điểm du lịch Lạc Thủy, Kim Bôi... Phát triển Khu du lịch, đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, hệ thống khách sạn nhà hàng... nhằm đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

Hoàn thiện quy hoạch, tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại dịch vụ như chợ truyền thống, các trung tâm thương mại, trung tâm logistic để thúc đẩy hoạt động quảng bá, trao đổi, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trên thị trường trong và ngoại tỉnh.

Đầu tư xây dựng các nhà máy nước sạch, các khu xử lý chất thải rắn, nhà máy xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xử lý nước thải, dự án xử lý rác thải tại thành phố Hòa Bình, Lương Sơn và các thị trấn. Đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở khám, chữa bệnh; đầu tư nâng cấp Bệnh viện tỉnh thành cơ sở khám chữa bệnh chuyên sâu, chất lượng cao cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở giáo dục để xóa bỏ tình trạng lớp học nhờ, học tạm. Ban hành các chính sách ưu đãi để xã hội hóa đầu tư cho các công trình văn hóa, thể thao.

Chú trọng tạo nền tảng phát triển mạng lưới bưu chính theo hướng hạ tầng chuyển - phát và logistics để phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; từng bước xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số quốc gia để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Phát triển hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là hạ tầng phục vụ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, phát triển chính quyền điện tử tỉnh hướng tới chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống địa chính và đất đai, doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận với chính sách và thông tin về đất đai. Từng bước hoàn thiện Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật, trong đó ưu tiên đầu tư các hạng mục gắn với nghiên cứu thực nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các ngành kinh tế.

Bám sát các định hướng phát triển của Trung ương để đầu tư hạ tầng nông, lâm nghiệp, thủy sản theo định hướng tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, khuyến khích hộ nông dân đầu tư phát triển trang trại, gia trại để tăng quy mô sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn, đảm bảo sự liên kết chặt chẽ sản xuất, chế biến và tiêu thụ; phát triển nông nghiệp xanh, hình thành một số khu nông nghiệp công nghệ cao và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp, giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao để làm cơ sở nhân rộng, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp.

2. Thực hiện chính sách phát triển vùng động lực của tỉnh và tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển vùng động lực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035. Tập trung ưu tiên phát triển vùng động lực kinh tế của tỉnh để thực sự trở thành đầu tàu, có vai trò tác động lan tỏa tới các vùng khác của tỉnh, trong đó: Tập trung thực hiện cơ chế phân cấp, ủy quyền cho vùng động lực, đặc biệt là trong các lĩnh vực trọng tâm như: Tài chính, thuế, đầu tư, quản lý đô thị; xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi cao hơn cho vùng động lực. Linh hoạt trong cơ chế, chính sách thu hút các nguồn vốn để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch.

Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển kinh tế vùng với các tỉnh, thành phố lân cận và cả nước trên cơ sở phát triển hạ tầng giao thông kết nối, gắn với hình thành các hành lang phát triển kinh tế theo các tuyến đường giao thông liên vùng, trước hết với thành phố Hà Nội nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, tiêu thụ hàng hóa nông sản và khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển du lịch.

3. Phát triển các ngành kinh tế

3.1. Phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, hiệu quả, sản xuất hàng hóa lớn gắn với thị trường

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, du lịch, thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động và nâng cao giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích canh tác; duy trì sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn; cơ giới hóa, khuyến khích ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Phát huy lợi thế của mỗi tiểu vùng để tiếp tục phát triển các vùng chuyên canh tập trung. Rà soát lại quy hoạch và phân loại rừng nhằm đảm bảo an ninh tuyệt đối đối với rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Tập trung phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiệu quả, bền vững, đảm bảo an ninh lương thực; nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, trong đó tăng diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao 800 ha/năm, cây ăn quả có múi 500 ha/năm... Phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung an toàn sinh học, đẩy mạnh cải thiện chăn nuôi nông hộ; thực hiện tốt việc kiểm soát và phòng trừ dịch bệnh, xử lý môi trường. Phát triển ngành thủy sản theo hình thức nuôi kết hợp, nuôi lồng tại các hồ chứa, khai thác hợp lý tiềm năng lợi thế mặt nước. Nâng cao giá trị rừng trồng là rừng sản xuất, tập trung phát triển rừng trồng, rừng sản xuất để chế biến gỗ xuất khẩu, phát triển các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ gỗ.

Quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa nông, lâm sản có lợi thế so sánh; tích cực thúc đẩy đưa một số sản phẩm chủ lực của tỉnh vào Chương trình xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam, gắn với chuỗi giá trị trong nước và hướng tới xuất khẩu. Triển khai hiệu quả các nội dung về "tam nông", mô hình "liên kết bốn nhà". Đổi mới hoạt động cung cấp dịch vụ công trong nông nghiệp phù hợp với yêu cầu sản xuất và thích ứng thị trường. Đẩy mạnh thực hiện có chiều sâu và thực chất hơn chương trình OCOP gắn với phát triển du lịch; củng cố kiện toàn các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện Chương trình OCOP; hình thành các điểm, trung tâm, cửa hàng quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các huyện, thành phố.

Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển và chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh. Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản bình quân hằng năm đạt 4,5 - 5%. Cơ cấu giá trị sản xuất trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, trình độ của lao động nông thôn. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề lao động nông nghiệp. Hoàn thiện bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ vùng khí hậu của tỉnh, đẩy mạnh việc dồn điền đổi thửa để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, phân đầu thực hiện dồn điền đổi thửa 1.000ha/năm; phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi; phát triển công nghiệp chế biến gắn với các vùng nguyên liệu. Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tìm kiếm, hợp tác với nhà đầu tư có năng lực để triển khai liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với việc thực hiện chủ trương tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững góp phần phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, phát huy tối đa sự năng động của cả hệ thống chính trị; nâng cao nhận thức của người dân, các doanh nghiệp để tập trung thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Triển khai xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp, xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, xã thôn thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực hiện Chương trình; tích cực huy động tổng hợp các nguồn lực phục vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nhất là nguồn lực xã hội hóa. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác; tiếp tục chuyển đổi, thành lập mới và nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp.

3.2. Phát triển công nghiệp thực sự trở thành động lực của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững và hiệu quả

Xây dựng và triển khai Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, theo hướng phát triển công nghiệp với tốc độ

cao, bền vững và hiệu quả, làm động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển và thực hiện các mục tiêu xã hội, phấn đấu đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 54% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Chú trọng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường với trọng tâm là công nghiệp chế biến khoáng sản; chế biến nông lâm sản; vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí, thiết bị điện, điện tử trên cơ sở phát triển các trung tâm chế biến và các vùng nguyên liệu phụ trợ, các khu, cụm công nghiệp. Phát triển công nghiệp điện năng ứng dụng công nghệ mới, sản xuất xanh, tiêu hao ít nhiên liệu, hiệu suất cao. Rà soát và xử lý dứt điểm các dự án sản xuất công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, có tác động tiêu cực tới phát triển du lịch và môi trường, sinh thái. Đẩy mạnh phát triển các làng nghề gắn với nguồn nguyên liệu hiện có, thân thiện với môi trường, phục vụ du lịch và xuất khẩu. Tăng cường công tác khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp; hỗ trợ đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật.

Đầu tư phát triển lưới điện để đảm bảo chất lượng và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của các khu, cụm công nghiệp. Phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các dự án trong việc đấu nối, cung cấp điện. Tập trung phát triển lưới điện đến các xóm, bản chưa có điện lưới quốc gia và nâng cao chất lượng lưới điện nông thôn đảm bảo tiêu chí số 4 trong bộ tiêu chí Nông thôn mới.

Tăng cường quản lý chặt chẽ việc khai thác và xuất khẩu khoáng sản nhằm sử dụng có hiệu quả, tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh. Nâng cao chất lượng thẩm định, thiết kế cơ sở các dự án khai thác, chế biến khoáng sản, hồ sơ cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.

Tập trung vận động, thu hút các doanh nghiệp lớn có uy tín, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, sử dụng công nghệ cao; lĩnh vực công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp điện tử,... để tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế, từ đó mang lại tác động lan tỏa, lôi cuốn các doanh nghiệp khác vào đầu tư, sản xuất kinh doanh. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp như: Yên Quang, Mông Hóa, Nam Lương Sơn, Lạc Thịnh; mở rộng khu công nghiệp Lạc Thịnh lên khoảng 1.000 ha; bổ sung quy hoạch phát triển các cụm khu công nghiệp phù hợp với lợi thế cạnh tranh của từng địa phương trong tỉnh; quan tâm đầu tư kết nối hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để từng bước di dời các cơ sở sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2025, nâng tỷ lệ lấp đầy diện tích các khu công nghiệp trên 80%; diện tích đất các khu, cụm công nghiệp chiếm khoảng 1% diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

3.3. Khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn

Xây dựng Hòa Bình thành điểm đến hấp dẫn với các sản phẩm du lịch đặc trưng, là trung tâm du lịch lớn của khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc; tạo dựng môi trường du lịch an toàn, thân thiện, cạnh tranh văn minh, bình đẳng. Phát huy tối đa lợi thế để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao tỷ trọng ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm cho lao động địa phương, tạo sự lan tỏa kéo theo các ngành kinh tế liên quan khác cùng phát triển.

Chú trọng công tác quy hoạch phát triển du lịch; tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng, ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch trong Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch của tỉnh.

Phát triển du lịch chuyển từ “số lượng” sang “chất lượng”, có trọng tâm, trọng điểm, theo hướng chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp, đảm bảo sản phẩm du lịch có thương hiệu và tính cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu của các thị trường mục tiêu. Phát triển du lịch theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy văn hóa, tiềm năng, lợi thế của địa phương và xây dựng nông thôn mới. Phát triển dòng sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng - chữa bệnh - chăm sóc sức khỏe; tập trung phát triển du lịch văn hóa, du lịch thể thao, hội thảo, dịch vụ du lịch cộng đồng...

Đổi mới công tác xây dựng, quảng bá, xúc tiến du lịch, nhận diện thương hiệu du lịch Hòa Bình, triển khai các chiến dịch quảng cáo lớn gắn với chiến lược marketing toàn diện và các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng. Chú trọng khai thác thị trường vùng thủ đô Hà Nội song song với thu hút các thị trường trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo vào phát triển du lịch. Phấn đấu đến năm 2025, đón khoảng 4,9 triệu lượt khách, trong đó có 01 triệu lượt khách quốc tế; tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt khoảng 5.400 tỷ đồng.

3.4. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân

Xây dựng và triển khai Đề án phát triển dịch vụ, trọng tâm là phát triển du lịch tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ có nhiều tiềm năng và lợi thế như: Thương mại, du lịch và các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn, như dịch vụ khai báo thuế, hải quan, logistics... Xây dựng các điểm, trung tâm, doanh nghiệp quảng bá, tiêu thụ sản phẩm của Hòa Bình tại địa phương và các thành phố, địa phương lớn của cả nước. Đến năm 2025, phấn đấu tỷ trọng ngành dịch vụ đạt 27% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân tăng 18%/năm. Quan tâm đầu tư hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh; chú trọng đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị tại các đô thị và các địa bàn trọng điểm có đông dân cư.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung phát triển các sản phẩm, ngành hàng thế mạnh của tỉnh gắn kết với chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của tỉnh như ván gỗ, nông sản và các sản phẩm công nghiệp điện tử, may mặc, VLXD... Tận dụng tối đa các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (AHKFTA,

EVFTA,...) mở rộng thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác tốt thị trường nội địa. Phân đầu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng bình quân 18%/năm. Phát triển mạnh vận tải đa phương thức và ngành Logistics; phân đầu đến năm 2025 tỉnh Hòa Bình có ít nhất một trung tâm Logistics để tận dụng lợi thế là đầu mối kết nối giữa Vùng Thủ đô và vùng Tây Bắc.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới vận tải khách công cộng bằng xe buýt, tuyến cố định trên địa bàn tỉnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy và tăng khả năng kết nối giữa các loại hình vận tải, phát triển vận tải đa phương thức. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy, đầu tư hạ tầng các bến cảng, bến xe khách, trạm dừng nghỉ.

Hoàn thành việc phát triển mạng lưới và phát triển rộng khắp các dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh. Mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực và giải trí. Ứng dụng công nghệ hiện đại triển khai tự động hoá trong khai thác, chấp nhận và tin học hoá các công đoạn bưu chính.

Phát triển mạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ nhằm thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và chất lượng khám, chữa bệnh. Khuyến khích mở các loại hình trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông chất lượng cao theo chủ trương xã hội hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các thành phần kinh tế khác đầu tư cơ sở vật chất, mở các chi nhánh, văn phòng hoạt động trên các lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành như: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ tính toán, kế toán, kiểm toán; dịch vụ thuế; dịch vụ kiến trúc; dịch vụ tư vấn kỹ thuật; dịch vụ quy hoạch; dịch vụ y tế; dịch vụ thú y;...

4. Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững

4.1. Thu, chi ngân sách

Tập trung tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã quyết định chủ đầu tư, đặc biệt quan tâm các dự án có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước như các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp, dự án đô thị, khu dân cư, nhà ở, dự án mở rộng nhà máy thủy điện, dự án điện tử...

Đẩy mạnh việc bán đấu giá tài sản nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế cho thuê tài sản của Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền về cơ chế thu nộp ngân sách nhà nước đối với các doanh nghiệp hạch toán toàn ngành trên địa bàn tỉnh như Công ty Thủy

điện Hòa Bình, đồng thời động viên, khuyến khích các doanh nghiệp, tập đoàn lớn ưu tiên hướng đến dành nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế tại địa phương.

Xây dựng tỷ lệ điều tiết nguồn thu giữa các cấp ngân sách theo hướng tăng điều tiết cho ngân sách cấp dưới nhằm khuyến khích các địa phương thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo nguồn lực tài chính cho ngân sách cấp huyện, thành phố. Tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh cá thể. Tổ chức thực hiện tốt Luật về thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về thuế; chống thất thu, xử lý nghiêm các trường hợp trốn, lậu thuế, gian lận thương mại, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách Nhà nước.

Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách địa phương theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương; rà soát các chính sách an sinh xã hội để đảm bảo sử dụng ngân sách tập trung và có hiệu quả cao; nghiên cứu, xây dựng chiến lược và lộ trình cơ cấu lại chi ngân sách địa phương, quản lý nợ chính quyền địa phương. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ đầu ra, gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Kiểm soát chặt chẽ nợ của chính quyền địa phương, bảo đảm dự phòng cho các rủi ro tiềm ẩn. Giám sát chặt chẽ việc cho vay, sử dụng vốn của các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4.2. Tín dụng, ngân hàng

Tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng với trọng tâm là xử lý căn bản, triệt để nợ xấu, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác huy động vốn, mở rộng tín dụng có hiệu quả; ưu tiên tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp nông thôn và các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ. Phát triển mạng lưới hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với phát triển dịch vụ tài chính và thị trường tài chính, tăng cường công tác quản lý hoạt động các ngân hàng thương mại, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh; phát uy ưu việt của hệ thống tín dụng chính sách phục vụ chính sách an sinh xã hội như tín dụng cho người nghèo, giải quyết việc làm, cho vay đối với học sinh, sinh viên... Phấn đấu tăng trưởng huy động vốn bình quân 5 năm 2020 - 2025 tăng trên 12%/năm; tăng trưởng tín dụng bình quân đạt 15%/năm.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới; tập trung thực hiện các giải pháp, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và đạo đức công dân. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, áp dụng công nghệ số, tăng cường dạy và học trực tuyến; chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với dục gia đình và giáo dục xã hội. Quan tâm, chăm lo công tác giáo dục, đào tạo đối với vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp; tăng cường các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới; quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kết hợp dạy và học trực tiếp và trực tuyến; phấn đấu đến năm 2025, có trên 59% trường đạt chuẩn quốc gia.

Phân cấp, trao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động hợp tác quốc tế. Nâng cao kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên, hình thành đội ngũ làm công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

Xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

Tiếp tục sắp xếp lại hệ thống trường học, mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học, phát triển hài hoà giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách bảo đảm công bằng hơn trong tiếp cận giáo dục để mỗi người dân đều được thụ hưởng một cách công bằng thành quả của nền giáo dục. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục, thi cử, kiểm định chất lượng đào tạo phù hợp và giảm áp lực, chi phí xã hội, đổi mới theo hướng hiện đại, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

Đổi mới công tác quản lý, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

6. Phát triển khoa học và công nghệ

Điều chỉnh, bổ sung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực phù hợp với thực tiễn của tỉnh và trình độ phát triển khoa học, công nghệ hiện đại, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số, tạo môi trường thuận lợi để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế bền vững, nâng tỷ trọng năng xuất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, in 3D, Internet vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ mới. Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ, triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác đã ký kết; tạo môi trường và chính sách thích hợp để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, các nhà khoa học chuyên sâu từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc khu vực thủ đô Hà Nội tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại tỉnh; tranh thủ kết quả của các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ giữa Khu công nghệ cao Hòa Lạc thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đưa về ứng dụng có chọn lọc tại tỉnh. Tiếp tục hỗ trợ thành lập, đầu tư tiềm lực cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng.

Phát triển khoa học và công nghệ lấy ứng dụng là trung tâm, doanh nghiệp, hợp tác xã là trung tâm ứng dụng các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị sản xuất kinh doanh, tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý công nghệ và an toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng đảm bảo quyền và lợi

ích hợp pháp của nhân dân; đổi mới, nâng cao hiệu quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ, có chính sách khuyến khích doanh nghiệp tranh thủ lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, triển khai các dự án đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới về năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm là đặc sản của địa phương thông qua các hoạt động: Đăng ký bảo hộ, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng tiêu chuẩn, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu sản phẩm; triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc để bảo đảm chất lượng, uy tín của sản phẩm, hàng hóa.

7. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc; đẩy mạnh công tác thể dục thể thao và công tác gia đình; chú trọng phát triển thông tin và truyền thông; thực hiện tốt công tác giảm nghèo và đảm bảo công bằng xã hội

7.1. Văn hóa, thông tin và truyền thông

Tập trung xây dựng và phát triển con người Hòa Bình hoàn thiện cả về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện các giải pháp mạnh mẽ, nhằm ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội; nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tăng cường huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; phát huy giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc tỉnh Hòa Bình; tiếp tục lộ trình lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận Sử thi Mo Mường là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào “Xây dựng nông thôn mới, khu đô thị văn minh”; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; quan tâm đầu tư cho hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

Đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển thể dục thể thao quần chúng với nhiều loại hình đa dạng, phong phú trong nhân dân; tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân luyện tập thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với nâng cao thể lực, tầm vóc con người Hòa Bình; tập trung nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho học sinh trong các trường học; chú trọng đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, ưu tiên đầu tư phát triển môn thể thao mũi nhọn của tỉnh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình, dòng họ. Đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác tuyên truyền, thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình, năng chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình, từng bước xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa loại hình hoạt động lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin truyền thông; tăng cường quảng bá, giới thiệu bản sắc văn hoá các dân tộc trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển du lịch. Phát triển mạng lưới bưu chính, từng bước xây dựng hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số quốc gia để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực, phát triển chính quyền điện tử tỉnh hướng tới chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

7.2. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo và đảm bảo công bằng xã hội

Triển khai có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công và bảo trợ xã hội; đảm bảo thực hiện tốt các nhóm quyền của trẻ em, hạn chế các vụ tai nạn thương tích, đuối nước, các vụ xâm hại, bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực từ cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần người có công với cách mạng và đối tượng chính sách.

Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; đến năm 2025 đạt khoảng 30% lực lượng lao động trong độ tuổi hiện đang làm việc trên địa bàn tỉnh tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2%; 40% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

8. Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh và nâng cao chất lượng dân số

Tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện; thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ y tế.

Đổi mới công tác quản lý và tổ chức hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế, bảo đảm tiến độ, khách quan, minh bạch, phù hợp thực tế; cân đối quỹ bảo hiểm y tế trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế và các cơ sở y tế.

Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh, kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển y tế ngoài công lập và hợp tác công tư trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và năng lực dự đoán trong y tế dự phòng. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra; tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp

phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại từ đại dịch Covid-19. Thực hiện tốt công tác giám sát dịch tễ, phát hiện sớm, kịp thời bao vây dập dịch không để bùng phát thành dịch lớn, ứng phó kịp thời các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, bảo đảm an ninh y tế.

Nâng cao sức khỏe nhân dân cả về thể chất lẫn tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Chăm lo phát triển về chất lượng, quy mô, cơ cấu dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ cơ cấu dân số vàng, thích ứng với quá trình già hóa dân số. Phân đầu đến hết năm 2025: Tuổi thọ trung bình khoảng 73,5 tuổi; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

9. Quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh nguồn nước

Từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, ít chất thải, các bon thấp đảm bảo sự thịnh vượng và phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh. Nâng cao nhận thức và tuyên truyền về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

Quản lý, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả bền vững để phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo theo các quy hoạch đã được cơ quan nhà nước phê duyệt. Triển khai lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện đảm bảo đồng bộ gắn kết với quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và các quy hoạch ngành. Hoàn thành công tác rà soát, xác định rõ ranh giới diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân; thu hồi đất của các dự án chậm triển khai và vi phạm pháp luật. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ để xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đất đai hiện đại và đồng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lĩnh vực quản lý đất đai.

Quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, tăng cường công tác quản lý chất thải phát sinh từ các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường. Ưu tiên, khuyến khích các dự án có công nghệ, thiết bị tiên tiến hiện đại để thu hồi tối đa khoáng sản trong quá trình khai thác chế biến khoáng sản và đảm bảo thân thiện với môi trường. Thực hiện tốt công tác quy hoạch trong khai thác khoáng sản, quản lý sản lượng tài nguyên khai thác từ khâu cấp phép đến quá trình tổ chức khai thác, tiêu thụ để chống thất thoát, trốn sản lượng tính thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong khai thác khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan; khắc phục triệt để tình trạng khai thác khoáng sản không phép và khai thác không đúng thiết kế đã được

phê duyệt; thường xuyên rà soát đôn đốc, yêu cầu các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

Bảo vệ và duy trì số lượng nguồn nước mặt không bị suy thoái cạn kiệt và ô nhiễm; tập trung bảo vệ các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tái tạo nước, điều chỉnh đảm bảo sử dụng hợp lý nguồn nước mặt. Đối với nước ngầm cần bảo vệ các tầng chứa nước không bị ô nhiễm; trám lấp các giếng không sử dụng theo Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tránh ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

Phổ biến, tuyên truyền các chính sách pháp luật, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và truyền thông về bảo vệ môi trường cho các tầng lớp nhân dân và các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, ưu tiên các dự án đầu tư mới có công nghệ tiên tiến, phát sinh ít chất thải, thân thiện với môi trường. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động; yêu cầu các tổ chức, đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn lắp đặt và vận hành thiết bị quan trắc môi trường tự động theo quy định, nhất là các cơ sở sản xuất có nguồn thải lớn thuộc đối tượng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt việc theo dõi, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với điều kiện tự nhiên, con người và phát triển kinh tế, xã hội. Kiểm soát, quản lý rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, khí thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông, xây dựng; chú trọng công tác đảm bảo an ninh nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước các lưu vực sông hồ; xây dựng, triển khai kế hoạch lấy mẫu nước thải công nghiệp phục vụ công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Đầu tư triển khai đồng bộ hệ thống quan trắc môi trường tự động để liên tục cập nhật và truyền dữ liệu trực tiếp về cơ quan quản lý. Tăng cường công tác thanh kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, để xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm.

Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Hàng năm đảm bảo bố trí đủ kinh phí sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách địa phương, tăng dần theo từng năm.

10. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác dân tộc; phát huy nội lực, xã hội hoá các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung xây dựng kết cấu, hạ tầng kinh tế xã hội; ưu tiên đầu tư cho các xóm, xã đặc biệt khó khăn; chú trọng giữ gìn bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về công tác dân tộc; công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phân đấu số xã có điều kiện kinh

tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn dưới 30% tổng số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; các xã còn lại có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đạt tiêu chí nông thôn mới; thu nhập bình quân đầu người các xã đặc biệt khó khăn đạt trên 25 triệu đồng/năm; xóa nhà ở tạm, nhà ở dột nát; 100% cán bộ công chức cấp xã đạt chuẩn.

Chú trọng xây dựng cơ sở chính trị vùng đồng bào tôn giáo; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, định hướng các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; cảnh giác, đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống phá sự đoàn kết trong đồng bào các dân tộc.

11. Tiếp tục tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện hiệu quả công tác tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội

11.1. Công tác quốc phòng, an ninh và tư pháp; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

a) Về quốc phòng, quân sự địa phương

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Thường xuyên tổ chức luyện tập theo phương án, duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở các cấp, nắm chắc tình hình chủ động phòng, chống, thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, kịp thời xử lý mọi tình huống. Tham mưu việc thực hiện các đề án, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với bố trí thế trận quốc phòng. Quản lý chặt chẽ đất quốc phòng, công trình quốc phòng.

Nâng cao chất lượng huấn luyện cho các đối tượng; gắn tổ chức huấn luyện với hội thao, hội thi; gắn huấn luyện, diễn tập với tham gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội và làm công tác dân vận.

Xây dựng lực lượng Bộ đội thường trực, Dân quân tự vệ rộng khắp, số lượng hợp lý; lực lượng dự bị động viên đảm bảo tinh gọn, chất lượng ngày càng tăng. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng và công tác giáo dục quốc phòng, an ninh, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Đầu tư khai thác, phát huy tiềm lực vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa quân đội và công an nhân dân trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

b) Về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục làm tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực phân tích, dự báo chiến lược, công tác nắm tình hình, diễn biến của môi trường an ninh, chính trị bên ngoài, các nguy cơ bất ổn trên thế giới và trong khu vực, nhất là các vấn đề về an ninh phi truyền thống. Trên cơ sở đó, có biện pháp chủ động ứng phó kịp thời, không để xảy ra bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ các mục tiêu, các sự kiện quan trọng, hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh Hòa Bình; phòng ngừa, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Kiểm chế gia tăng và làm giảm các loại tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự xã hội; làm giảm các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; phấn đấu hàng năm kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội ít nhất 5%, tỷ lệ điều tra, khám phá các loại tội phạm đạt 75% trở lên, trong đó tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 95% trở lên. Phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm, tệ nạn về ma túy, đặc biệt là địa bàn giáp ranh với tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Sơn La; tiếp tục phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân, nền an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh vững mạnh”, góp phần tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

c) Công tác tư nội chính, tư pháp; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu thi đua của ngành, của tỉnh đề ra. Thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định văn bản pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý.

Bám sát chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương triển khai các cuộc thanh tra theo kế hoạch. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận xã hội đang quan tâm. Rà soát kỹ lưỡng chương trình, kế hoạch thanh tra, nội dung thanh tra hàng năm và trong từng cuộc thanh tra có liên quan đến doanh nghiệp; đảm bảo tuân thủ đúng thời gian, nội dung, đối tượng thanh tra, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp chỉ thanh tra, kiểm tra tối đa 1 lần/1 năm.

Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ, theo dõi chặt chẽ tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh, phát hiện những nơi có yếu tố xảy ra khiếu kiện đông người để kiến nghị biện pháp giải quyết dứt điểm, không để phát sinh thành “điểm nóng”, hạn chế công dân tập trung đông người lên tỉnh và Trung ương khiếu kiện. Tập trung giải quyết có chất lượng các vụ việc khiếu nại, tố cáo; chú trọng việc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết về khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục triển khai nghiêm túc Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn theo quy định. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng của Chính phủ; tiến hành các cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo kế hoạch; phối hợp chặt chẽ với Ban Nội chính trong công tác phòng chống tham nhũng.

11.2. Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, thu hút đầu tư và huy động nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội

Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, nhà nước về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về tình hình thế giới, khu vực có khả năng tác động đến địa phương.

Tăng cường mối quan hệ với nước ngoài, tổ chức quốc tế, các tỉnh bạn và các hoạt động ngoại giao nhân dân,... để tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho đầu tư phát triển. Xây dựng mối quan hệ gắn bó, hợp tác đối với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ với đối tác mới, có tiềm năng nhằm mở rộng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực du lịch, nông - lâm nghiệp.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển của tỉnh Hòa Bình đến bạn bè trong và ngoài nước; nhất là những nét văn hóa đặc sắc, truyền thống lịch sử, một số di sản tiêu biểu của tỉnh,... Quan tâm công tác ngoại giao nhân dân, coi đây là cầu nối quan trọng để tăng cường hiểu biết, thắt chặt thêm mối quan hệ đoàn kết hữu nghị với các quốc gia, vùng lãnh thổ, từ đó tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động của Sở, ban, ngành và địa phương mình trong giai đoạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể. Các cơ quan, đơn vị được phân công xây dựng đề án, chương trình, nghị quyết phải bảo đảm chất lượng và tiến độ thời gian yêu cầu.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh và của từng Sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, đồng thời định kỳ báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan thông tấn, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua.

Căn cứ các chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 trong quá trình triển khai thực hiện sẽ được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Các CV Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (VP).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Chương trình hành động số /CTr-UBND ngày / 5 /2021 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì, thực hiện theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025	%/năm	9	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/năm	100	
3	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10.000	Sở Tài chính
4	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>38	Sở Xây dựng
5	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm	%	8	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
6	Kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm tăng	%	>18	Sở Công thương
7	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	2,5-3	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
8	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động	%	<48	
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	63	
	<i>Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	25	
10	Tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	10	Sở Y tế
	Tỷ lệ giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	30	
11	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>95	Bảo hiểm xã hội tỉnh
12	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	>70	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị	%	100	Sở Xây dựng
	Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn	%	95	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động đảm bảo an toàn, vệ sinh và đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật	%	100	Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Công thương
16	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì, thực hiện theo dõi, đánh giá
17	Tỷ lệ che phủ rừng	%	>51,5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHỤ LỤC II
CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH LƯỢNG THEO CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
SỐ 01-CTr/TU NGÀY 23/12/2020 CỦA BCH ĐẢNG BỘ TỈNH
(Kèm theo Chương trình hành động số /CTr-UBND ngày /5/2021 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì, thực hiện theo dõi, đánh giá
1	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2021-2025	Tỷ đồng	>120.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
2	Tỷ trọng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng	%	40	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	Văn bằng	300	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Diện tích nhà ở bình quân giai đoạn	m ² /người	22,15	Sở Xây dựng
	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	75	
	Tỷ lệ nhà ở đơn sơ giảm còn	%	1	
5	Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm	%	4,5-5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Giá trị sản xuất trung bình trên đơn vị diện tích đất canh tác trồng trọt	Triệu đồng/ha/năm	220	
	Giá trị sản xuất trung bình trên đơn vị diện tích đất canh tác thủy sản	Triệu đồng/ha/năm	250	
7	Tỷ lệ hàng hóa nông, lâm, thủy sản qua chế biến	%	30	
8	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân trên 1 xã tăng hàng năm	Tiêu chí	0,5	
	Tỷ lệ số xã hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm	%	6	
	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	Huyện	02	
9	Số sản phẩm OCOP được chuẩn hóa hoặc nâng hạng	Sản phẩm	16	
10	Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm	%	13	Sở Công thương
	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân hàng năm	%	9	
11	Diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp so với diện tích đất tự nhiên của tỉnh	%	1	
12	Tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng trong cơ cấu kinh tế	%	54	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
13	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,9	Sở Công thương
14	Tỷ lệ lấp đầy bình quân các cụm công	%	50	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì, thực hiện theo dõi, đánh giá
	ngành có chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật			
15	Tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	27	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
16	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân hàng năm	%	18	Sở Công thương
17	Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm tăng	%	5	
18	Tổng lượng khách du lịch đến tỉnh trong giai đoạn	Triệu lượt	4,9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch trong giai đoạn	Tỷ đồng	5.400	
19	Khối lượng vận tải hàng hóa tăng bình quân hàng năm	%	9,8	Sở Giao thông vận tải
	Vận chuyển hành khách tăng bình quân hàng năm	%	9,7	
20	Thứ hạng PCI, PAPI của tỉnh so với cả nước	Hạng	<30	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ
21	Số doanh nghiệp, HTX đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp, HTX	2.500	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX
22	Thu hút đầu tư dự án trong nước	Dự án	280	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		Tỷ đồng	80.000	
23	Thu hút đầu tư dự án FDI	Dự án	30	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		Triệu USD	1.000	
24	Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp	%	>70	Sở Thông tin và Truyền thông
25	Số lượng văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử	%	100	
26	Số lượng cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong xử lý công việc	%	100	
27	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn	%	60	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
28	Số môn thể thao thành tích cao đồng đội hoặc tập thể	Môn	01	
29	Số trường đạt chuẩn quốc gia	%	59	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì, thực hiện theo dõi, đánh giá
30	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành chương trình học tiếng Mường	%	20	
31	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,5	Sở Y tế
32	Số dân số được quản lý sức khỏe	%	90	
33	Lực lượng lao động trong độ tuổi hiện đang làm việc trên địa bàn tỉnh tham gia BHXH	%	30	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm	%	2	
34	Số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	40	

PHỤ LỤC III
CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM THỰC HIỆN TRONG
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Chương trình hành động số /CTr-UBND ngày /5/2021 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Tiến độ hoàn thành
1	Đề án tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng phấn đấu sớm đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình đạt mức trung bình của cả nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2021
2	Đề án phát triển vùng động lực tỉnh Hòa Bình	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2021
3	Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng CT229 tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2021
4	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý II/2021
5	Kế hoạch khuyến nông trọng điểm giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý II/2021
6	Đề án tái canh cây ăn quả có múi tỉnh Hòa Bình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý IV/2021
7	Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công thương	Quý II/2021
8	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025	Sở Công thương	Quý II/2021
9	Đề án phát triển dịch vụ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công thương	Quý II/2021
10	Kế hoạch triển khai công tác Hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2021-2025	Sở Công thương	Quý II/2021
11	Đề án phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản hàng hóa chủ lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công thương	Năm 2021
12	Đề án phát triển du lịch tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý II/2021
13	Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I/2021
14	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025	Sở Tài chính	Quý IV/2021
15	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa các cấp thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025	Sở Tài chính	Quý IV/2021
16	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025	Sở Tài chính	Quý IV/2021

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Tiến độ hoàn thành
17	Quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2021
18	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III-IV/2021
19	Đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2021
20	Đề án Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư tại các KCN của tỉnh	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Quý II/2021
21	Chiến lược phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Hòa Bình	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Quý II/2021
22	Kế hoạch Phát triển đô thị tỉnh Hòa Bình đến năm 2025	Sở Xây dựng	Năm 2021
23	Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2021
24	Đề án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2021
25	Đề án bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý II/2021
26	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Năm 2021
27	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Ban Dân tộc	Quý III-IV/2021
28	Dự án phát triển kinh tế - xã hội 02 xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Ban Dân tộc	Quý III-IV/2021
29	Kế hoạch lập hồ sơ khám quản lý sức khỏe toàn dân tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020-2025	Sở Y tế	Năm 2021
30	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Y tế	Năm 2021
31	Đề án quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý II/2021
32	Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025; Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý II/2021
33	Đề án thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và chất thải nhựa trong sản xuất trồng trọt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý IV/2021
34	Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công thương giai đoạn 2021-2025	Sở Công thương	Quý II-III/2021
35	Đề án Đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Năm 2021
36	Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2021

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Tiến độ hoàn thành
37	Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2021
38	Đề án phát triển thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2021
39	Kế hoạch xây dựng căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần – kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Năm 2021
40	Đề án Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	Thanh tra tỉnh	Năm 2021